



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY ĐẦU TƯ XUẤT BẢN – THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM

Mang cuộc sống vào bài học – Đưa bài học vào cuộc sống

**TÀI LIỆU BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN
SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA
GIÁO DỤC CÔNG DÂN 6
CÁNH DIỀU**

HÀ NỘI – 2021

**NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY ĐẦU TƯ XUẤT BẢN – THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM**

**TÀI LIỆU BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN
SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA
GIÁO DỤC CÔNG DÂN 6
CÁNH DIỀU**

HÀ NỘI – 2021

BIÊN SOẠN:
TS TRẦN VĂN THẮNG

Phần thứ nhất

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

I- GIỚI THIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN LỚP 6

1.1. Mục tiêu, yêu cầu cần đạt của môn Giáo dục công dân lớp 6

1.1.1. Mục tiêu

Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, môn Giáo dục công dân được thực hiện ở ba cấp học: Ở cấp Tiểu học gọi là môn Đạo đức; ở cấp Trung học cơ sở gọi là môn Giáo dục công dân; ở cấp Trung học phổ thông gọi là môn Giáo dục kinh tế và pháp luật.

Mục tiêu của môn Giáo dục công dân (GD CD) ở cấp Trung học cơ sở nhằm:

a) Giúp học sinh có hiểu biết về những chuẩn mực đạo đức, pháp luật cơ bản và giá trị, ý nghĩa của các chuẩn mực đó; tự hào về truyền thống gia đình, quê hương, dân tộc; tôn trọng, khoan dung, quan tâm, giúp đỡ người khác; tự giác, tích cực học tập và lao động; có thái độ đúng đắn, rõ ràng trước các hiện tượng, sự kiện trong đời sống; có trách nhiệm với bản thân, gia đình, nhà trường, xã hội, công việc và môi trường sống.

b) Giúp học sinh có tri thức phổ thông, cơ bản về đạo đức, kỹ năng sống, kinh tế, pháp luật; đánh giá được thái độ, hành vi của bản thân và người khác; tự điều chỉnh và nhắc nhở, giúp đỡ bạn bè, người thân điều chỉnh thái độ, hành vi theo chuẩn mực đạo đức, pháp luật; thực hiện được các công việc để đạt mục tiêu, kế hoạch hoàn thiện, phát triển bản thân; biết cách thiết lập, duy trì mối quan hệ hoà hợp với những người xung quanh, thích ứng với xã hội biến đổi và giải quyết các vấn đề đơn giản trong đời sống của cá nhân, cộng đồng phù hợp với giá trị văn hoá, chuẩn mực đạo đức, quy tắc của cộng đồng, quy định của pháp luật và lứa tuổi.

1.1.2. Yêu cầu cần đạt

a) Các năng lực chung

Môn Giáo dục công dân lớp 6 góp phần hình thành, phát triển ở học sinh các năng lực chung:

– **Năng lực tự chủ và tự học:** Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống; không đồng tình với những hành vi sống ỷ lại, dựa dẫm vào người khác. Biết làm chủ tình cảm, cảm xúc để có hành vi phù hợp trong học tập và đời sống. Biết thực hiện kiên trì kế hoạch học tập, lao động. Kiên trì vượt qua khó khăn để hoàn thành công việc cần thiết đã định. Nhận thức được sở thích, khả năng của bản thân. Biết rèn luyện, khắc phục những hạn chế của bản thân hướng tới các giá trị xã hội.

– **Năng lực giao tiếp và hợp tác:** Biết cách thiết lập, duy trì và phát triển các mối

quan hệ với các thành viên của cộng đồng (họ hàng, bạn bè, hàng xóm,...); hiểu rõ nhiệm vụ của nhóm; đánh giá được khả năng của mình và tự nhận công việc phù hợp với bản thân.

– **Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Phân tích được tình huống trong học tập; phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề trong học tập. Xác định được và biết tìm hiểu các thông tin liên quan đến vấn đề; đề xuất được giải pháp giải quyết vấn đề. Biết đánh giá vấn đề, tình huống dưới những góc nhìn khác nhau.

b) Các phẩm chất

Môn Giáo dục công dân lớp 6 góp phần bồi dưỡng cho học sinh 5 phẩm chất:

– **Yêu nước:** Có ý thức tìm hiểu truyền thống của gia đình, dòng họ; tích cực học tập, rèn luyện để phát huy truyền thống của gia đình, dòng họ, quê hương.

– **Nhân ái:** Trân trọng danh dự, sức khỏe và cuộc sống riêng tư của người khác. Tích cực, chủ động tham gia các hoạt động từ thiện và hoạt động phục vụ cộng đồng. Cảm thông và sẵn sàng giúp đỡ mọi người.

– **Chăm chỉ:** Luôn cố gắng vươn lên đạt kết quả tốt trong học tập. Tham gia vào công việc lao động sản xuất trong gia đình theo yêu cầu thực tế, phù hợp với khả năng và điều kiện của bản thân. Luôn cố gắng đạt kết quả tốt trong lao động ở trường lớp và ở cộng đồng.

– **Trung thực:** Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm. Tôn trọng lẽ phải. Đấu tranh với các hành vi thiếu trung thực trong học tập và trong cuộc sống.

– **Trách nhiệm:** Có ý thức tiết kiệm thời gian; sử dụng thời gian hợp lý; xây dựng và thực hiện chế độ học tập, sinh hoạt hợp lý. Có ý thức tiết kiệm trong chi tiêu của cá nhân và gia đình. Quan tâm đến các công việc của cộng đồng; tích cực tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động phục vụ cộng đồng.

c) Các năng lực đặc thù

Môn GD&ĐT có ba năng lực đặc thù là: năng lực điều chỉnh hành vi, năng lực phát triển bản thân, năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế – xã hội. Các năng lực đặc thù này là biểu hiện đặc thù của các năng lực chung và năng lực khoa học đã được nêu trong Chương trình tổng thể.

Chương trình môn GD&ĐT quy định yêu cầu cần đạt về các năng lực đặc thù này đối với học sinh trung học cơ sở (THCS) như sau:

*** Năng lực điều chỉnh hành vi**

● Nhận thức chuẩn mực hành vi

– Nhận biết được những chuẩn mực đạo đức, pháp luật phổ thông, cơ bản, phù hợp với lứa tuổi và giá trị, ý nghĩa của các chuẩn mực hành vi đó.

– Có kiến thức cơ bản để nhận thức, quản lí, tự bảo vệ bản thân và thích ứng với những thay đổi trong cuộc sống.

– Nhận biết được mục đích, nội dung, phương thức giao tiếp và hợp tác trong việc đáp ứng các nhu cầu của bản thân và giải quyết các vấn đề học tập, sinh hoạt hằng ngày.

– Nhận biết được sự cần thiết phải tiết kiệm tiền; nguyên tắc quản lí tiền; cách lập kế hoạch chi tiêu và tiêu dùng thông minh.

● *Đánh giá hành vi của bản thân và người khác*

– Đánh giá được tác dụng và tác hại của thái độ, hành vi đạo đức và pháp luật của bản thân và người khác trong học tập và sinh hoạt.

– Đồng tình, ủng hộ những thái độ, hành vi tích cực; phê phán, đấu tranh với những thái độ, hành vi tiêu cực về đạo đức và pháp luật.

– Đánh giá được bối cảnh giao tiếp, đặc điểm và thái độ của đối tượng giao tiếp; khả năng và nguyện vọng của bản thân, khả năng của các thành viên trong nhóm hợp tác.

● *Điều chỉnh hành vi*

– Tự thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và cuộc sống; phê phán những hành vi, thói quen sống dựa dẫm, ỷ lại.

– Tự điều chỉnh và nhắc nhở, giúp đỡ bạn bè, người thân điều chỉnh được cảm xúc, thái độ, hành vi phù hợp với chuẩn mực đạo đức, pháp luật và phù hợp với lứa tuổi; sống tự chủ, không đua đòi, ăn tiêu lãng phí, nghịch ngợm, càn quấy, không làm những việc xấu (bạo lực học đường, mắc tệ nạn xã hội,...); biết rèn luyện, phát huy ưu điểm, khắc phục hạn chế của bản thân, hướng đến các giá trị xã hội.

– Tự thực hiện và giúp đỡ bạn bè thực hiện được một số hoạt động cơ bản, cần thiết để nhận thức, phát triển, tự bảo vệ bản thân và thích ứng với những thay đổi trong cuộc sống.

– Tiết kiệm tiền bạc, đồ dùng, thời gian, điện nước; bước đầu biết quản lí tiền, tạo nguồn thu nhập cá nhân và chi tiêu hợp lí.

*** Năng lực phát triển bản thân**

● *Tự nhận thức bản thân*

Tự nhận biết được sở thích, điểm mạnh, điểm yếu, giá trị, vị trí và các quan hệ xã hội của bản thân.

● *Lập kế hoạch phát triển bản thân*

– Xác định được lí tưởng sống của bản thân; lập được mục tiêu, kế hoạch học tập và rèn luyện, kế hoạch chi tiêu cá nhân phù hợp theo hướng dẫn.

– Xác định được hướng phát triển phù hợp của bản thân sau trung học cơ sở với sự tư vấn của thầy cô giáo và người thân.

● *Thực hiện kế hoạch phát triển bản thân*

- Kiên trì mục tiêu, kế hoạch học tập và rèn luyện; tự thực hiện được các công việc, nhiệm vụ của bản thân trong học tập và sinh hoạt hằng ngày.
- Thực hiện được việc quản lý và chi tiêu tiền hợp lý theo kế hoạch đã đề ra.

*** Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội**

● *Tìm hiểu các hiện tượng kinh tế – xã hội*

– Hiểu được một số kiến thức phổ thông, cơ bản về đạo đức, kỹ năng sống, kinh tế, pháp luật.

– Nhận biết được một số hiện tượng, sự kiện, vấn đề của đời sống xã hội liên quan đến đạo đức, pháp luật, kỹ năng sống và kinh tế phù hợp với lứa tuổi.

– Bước đầu biết cách thu thập, xử lý thông tin để tìm hiểu một số hiện tượng, sự kiện, vấn đề đạo đức, kỹ năng sống, pháp luật, kinh tế phù hợp với lứa tuổi.

● *Tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội*

– Lựa chọn, đề xuất được cách giải quyết và tham gia giải quyết được các vấn đề thường gặp hoặc một số vấn đề về đạo đức, kỹ năng sống, pháp luật, kinh tế phù hợp với lứa tuổi trong những tình huống mới của cá nhân, gia đình, cộng đồng.

– Hình thành, duy trì được mối quan hệ hoà hợp với những người xung quanh và thích ứng được với xã hội biến đổi.

– Nêu được tình huống có vấn đề; hình thành được ý tưởng mới trong học tập và cuộc sống; có khả năng tham gia thảo luận, tranh luận về một số vấn đề đạo đức, kỹ năng sống, pháp luật, kinh tế phù hợp với lứa tuổi.

– Biết lắng nghe tích cực trong giao tiếp; đề xuất được phương án tổ chức, chủ động hoàn thành nhiệm vụ được giao; khiêm tốn học hỏi và giúp đỡ các thành viên khác cùng hoàn thành nhiệm vụ của nhóm trong hợp tác giải quyết các vấn đề học tập, lao động và hoạt động cộng đồng.

1.2. Kế hoạch giáo dục môn Giáo dục công dân lớp 6

Thời lượng môn Giáo dục công dân: 1 tiết/tuần x 35 tuần = 35 tiết, trong đó:

- Giáo dục đạo đức: 35%
- Giáo dục kỹ năng sống: 20%
- Giáo dục pháp luật: 25%
- Giáo dục kinh tế: 10%
- 10% thời lượng còn lại dành cho các hoạt động đánh giá định kì.

Thời lượng dành cho mỗi bài:

Bài	Số tiết
Bài 1. Tự hào về truyền thống gia đình, dòng họ	2
Bài 2. Yêu thương con người	3
Bài 3. Siêng năng, kiên trì	3

Bài 4. Tôn trọng sự thật	2
Bài 5. Tự lập	2
Bài 6. Tự nhận thức bản thân	3
Bài 7. Ứng phó với các tình huống nguy hiểm từ con người	2
Bài 8. Ứng phó với các tình huống nguy hiểm từ thiên nhiên	2
Bài 9. Tiết kiệm	3
Bài 10. Công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam	3
Bài 11. Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân	3
Bài 12. Quyền trẻ em	3

Tổ/nhóm chuyên môn có thể thống nhất xây dựng kế hoạch và đề xuất với Hiệu trưởng quyết định về số tiết cho mỗi bài cụ thể, sao cho phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường.

II– SÁCH GIÁO KHOA MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN LỚP 6

2.1. Quan điểm biên soạn

– Sách giáo khoa (SGK) *Giáo dục công dân 6* được biên soạn trên cơ sở Chương trình môn Giáo dục công dân lớp 6, cụ thể hoá yêu cầu đạt thành nội dung bài học.

– Nội dung các bài học trong SGK được xây dựng dựa trên các căn cứ:

- + Quy định của Chương trình về các chủ đề và yêu cầu cần đạt.
- + Đặc điểm nhận thức của học sinh lớp 6.
- + Thời lượng thực hiện chương trình 1 tiết x 35 tuần = 35 tiết.

– SGK *Giáo dục công dân 6* được biên soạn trên cơ sở quán triệt sâu sắc tư tưởng xuyên suốt của bộ SGK Cánh Diều “Mang cuộc sống vào bài học – Đưa bài học vào cuộc sống”. Mọi tri thức trong sách đều được xây dựng từ thực tiễn, kết nối với thực tiễn cuộc sống, khơi dậy ở học sinh (HS) nguồn cảm hứng để tìm tòi khám phá, sáng tạo trong bầu trời tri thức bao la, tạo điều kiện để HS phát triển các phẩm chất và năng lực theo yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông; nội dung sách phù hợp với tâm sinh lí lứa tuổi HS lớp 6, phù hợp với xã hội Việt Nam hiện nay, với đặc điểm và điều kiện kinh tế – xã hội của địa phương, với điều kiện của nhà trường.

– SGK *Giáo dục công dân 6* được biên soạn theo hướng mở, tạo điều kiện cho giáo viên (GV) đổi mới phương pháp dạy học, kích thích khả năng tư duy, tìm tòi sáng tạo của HS, góp phần hình thành ở học sinh các phẩm chất và năng lực theo yêu cầu của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

– Các bài học trong SGK được thiết kế theo các hoạt động học tập phong phú, đa dạng như: hát, quan sát tranh ảnh, thảo luận, chơi trò chơi, đọc thông tin, xử lý tình huống, nhận xét hành vi, bày tỏ thái độ;... tạo điều kiện cho GV đổi mới phương pháp và hình thức tổ

chức dạy học, xoá bỏ cách dạy thuyết lí, áp đặt HS; khơi dậy ở HS sự hứng thú, tích cực, chủ động trong học tập.

2.2. Một số điểm mới của sách giáo khoa môn Giáo dục công dân lớp 6

2.2.1. Cấu trúc các bài học trong sách giáo khoa

Từ 10 chủ đề trong Chương trình môn Giáo dục công dân, SGK *Giáo dục công dân 6* thiết kế thành 12 bài học, thể hiện 4 mạch nội dung của môn Giáo dục công dân ở cấp trung học cơ sở: Giáo dục đạo đức; Giáo dục kĩ năng sống; Giáo dục pháp luật; Giáo dục kinh tế.

CHỦ ĐỀ  **BÀI HỌC**

Tự hào về truyền thống gia đình, dòng họ	1. Tự hào về truyền thống gia đình, dòng họ
Yêu thương con người	2. Yêu thương con người
Siêng năng, kiên trì	3. Siêng năng, kiên trì
Tôn trọng sự thật	4. Tôn trọng sự thật
Tự lập	5. Tự lập
Tự nhận thức bản thân	6. Tự nhận thức bản thân
Ứng phó với các tình huống nguy hiểm	7. Ứng phó với các tình huống nguy hiểm từ con người
	8. Ứng phó với các tình huống nguy hiểm từ thiên nhiên
Tiết kiệm	9. Tiết kiệm
Công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam	10. Công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam
	11. Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân
Quyền trẻ em	12. Quyền trẻ em

2.2.2. Về cấu trúc bài học

Mỗi bài học trong SGK đều theo một cấu trúc thống nhất, gồm bốn phần:

Khởi động: Nhằm kiểm tra những kiến thức, kinh nghiệm đã có của HS về bài Giáo dục công dân sắp học và tạo tâm thế tích cực, không khí thoải mái cho các em chuẩn bị tiếp thu bài mới.

Khám phá: HS, dưới sự hướng dẫn của GV, được trải nghiệm để tự khám phá, phát hiện, tự hình thành kiến thức bài học cho mình. Nội dung phần Khám phá gồm các câu chuyện, tình huống, hình ảnh, trường hợp,... để HS quan sát, suy nghĩ, trao đổi, thảo luận, từ đó tự hình thành nên kiến thức bài học.

Luyện tập: Gồm các bài tập tự luận, tình huống,... nhằm củng cố, rèn luyện kiến thức, kỹ năng đã được hình thành trong phần Khám phá, tạo điều kiện cho HS tăng cường rèn luyện, để hình thành, phát triển các năng lực cần thiết theo yêu cầu của mỗi bài học; đồng thời, rèn luyện cho HS các kỹ năng: nhận xét, đánh giá, so sánh,...

Vận dụng: Nhằm tạo điều kiện cho HS thực hành, vận dụng kiến thức, kỹ năng bài học vào đời sống thực tiễn ở trong giờ học cũng như ngoài giờ học, thông qua các bài tập yêu cầu vận dụng.

Cấu trúc này tạo điều kiện thuận lợi cho GV thiết kế các hoạt động dạy học; tạo điều kiện cho học sinh được rèn luyện các kỹ năng: quan sát, nhận xét, so sánh, thảo luận và vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học vào thực tiễn cuộc sống, thông qua các bài tập và yêu cầu luyện tập, vận dụng. Thông qua các hoạt động học tập, HS sẽ hứng thú, tích cực, chủ động trong học tập, làm cho giờ học GD CD trở nên nhẹ nhàng, vui vẻ, sôi động, hấp dẫn.

III- DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN LỚP 6

3.1. Phương pháp dạy học môn Giáo dục công dân lớp 6

Có thể sử dụng nhiều phương pháp dạy học khác nhau trong quá trình dạy học môn GD CD lớp 6. Dưới đây là một số phương pháp dạy học phổ biến, có tác dụng phát huy tính tích cực học tập, giúp HS phát triển các năng lực chung và năng lực đặc thù của môn học.

3.1.1. Phương pháp xử lý tình huống

Phương pháp xử lý tình huống là phương pháp tổ chức cho HS xem xét, phân tích những vấn đề/tình huống cụ thể thường gặp phải trong đời sống thực tiễn và xác định cách giải quyết, xử lý vấn đề/tình huống đó một cách có hiệu quả, phù hợp với các chuẩn mực đạo đức, pháp luật trong thực tiễn.

Phương pháp xử lý tình huống giữ vai trò quan trọng trong việc phát triển cho HS các năng lực giải quyết vấn đề, tư duy phê phán, tư duy sáng tạo.

Khi thực hiện phương pháp xử lý tình huống, GV cần đảm bảo những yêu cầu sau:

– Yêu cầu đối với tình huống:

- + Phải phù hợp với chủ đề bài học GD&CD.
- + Phù hợp với trình độ nhận thức của HS lớp 6 cả về độ khó và độ dài.
- + Gắn gũi với cuộc sống thực của HS lớp 6.
- + Tình huống phải chứa đựng những mâu thuẫn cần giải quyết, gợi ra cho HS nhiều hướng suy nghĩ, nhiều cách giải quyết vấn đề.

– Yêu cầu về quy trình thực hiện:

+ GV nêu tình huống và hướng dẫn HS nhận dạng, xác định tình huống:

- Tình huống xảy ra ở đâu?
- Tình huống xảy ra khi nào?
- Xảy ra với ai?
- Vấn đề cần giải quyết là gì?

+ GV giao nhiệm vụ xử lý tình huống cho HS/nhóm HS và hướng dẫn các em các bước để xử lý tình huống:

- Thu thập thông tin có liên quan đến tình huống đặt ra;
- Liệt kê/phân đoán các cách giải quyết có thể có;
- Phân tích, đánh giá kết quả mỗi cách giải quyết;
- So sánh kết quả các cách giải quyết;
- Lựa chọn cách giải quyết tối ưu nhất;

+ HS/các nhóm HS làm việc, nêu cách xử lý tình huống qua các câu hỏi cụ thể.

+ GV tổng kết các ý kiến của HS và định hướng cho các em cách giải quyết, xử lý tình huống phù hợp với chuẩn mực pháp luật và đạo đức xã hội.

– Một số yêu cầu khác:

+ Có thể tổ chức cho các nhóm HS xử lý, giải quyết cùng một tình huống hoặc các tình huống khác nhau, tùy theo mục đích của hoạt động.

+ HS cần xác định rõ tình huống trước khi xử lý tình huống.

+ Có thể sử dụng kỹ thuật động não để HS cả lớp liệt kê các phương án giải quyết có thể xảy ra, trước khi giao nhiệm vụ cho HS/nhóm HS xử lý, lựa chọn phương án giải quyết tối ưu.

+ Cách giải quyết tối ưu đối với mỗi HS/nhóm HS có thể giống hoặc khác nhau, tùy thuộc vào hoàn cảnh, cảm xúc và giá trị của các em.

3.1.2. Phương pháp giải quyết vấn đề

Phương pháp giải quyết vấn đề là phương pháp trong đó GV gợi mở để HS nêu lên một vấn đề, hoặc GV nêu lên một vấn đề có những mâu thuẫn của các hiện tượng đạo

đức, pháp luật, kinh tế. GV giúp HS thảo luận, phân tích bản chất của vấn đề, tìm hiểu nguyên nhân và tìm ra giải pháp, biện pháp giải quyết mâu thuẫn của vấn đề đặt ra.

Mỗi vấn đề đều có nhiều cách giải quyết khác nhau, GV cần giúp HS phân tích ưu điểm và nhược điểm của mỗi phương pháp để tìm ra cách giải quyết tối ưu.

Khi sử dụng phương pháp giải quyết vấn đề, GV cần đảm bảo những yêu cầu sau:

– Yêu cầu đối với vấn đề cần giải quyết:

- + Vấn đề được lựa chọn phải phù hợp với mục tiêu và gắn với thực tế.
- + Phải phát huy được tính độc lập, sáng tạo của HS.
- + Cách giải quyết vấn đề phải là giải pháp hợp lý nhất.

– Yêu cầu về quy trình thực hiện:

- + GV nêu vấn đề. Ví dụ: Tại sao trong HS hiện nay có hiện tượng nghiện game?
- + Đặt HS vào hoàn cảnh giải quyết: Giả sử trong gia đình em có anh hay em, hoặc trong lớp em có bạn nghiện game, em sẽ đề xuất giải pháp nào?
- + HS nêu lên cách giải quyết vấn đề.
- + Phân tích ưu, nhược điểm của các giải pháp.
- + Quyết định chọn giải pháp tốt nhất.
- + GV tổng kết các ý kiến của HS và định hướng cho HS cách giải quyết vấn đề phù hợp với chuẩn mực pháp luật và đạo đức xã hội.

3.1 3. Phương pháp đóng vai

Phương pháp đóng vai là phương pháp tổ chức cho HS thực hành, “làm thử” một số cách ứng xử nào đó trong một tình huống giả định. Đây là phương pháp nhằm giúp HS suy nghĩ sâu sắc về một vấn đề bằng cách tập trung vào một sự việc cụ thể mà các em vừa thực hiện hoặc quan sát được.

Phương pháp đóng vai thường gắn với phương pháp xử lý tình huống và có vai trò quan trọng trong việc phát triển cho HS các năng lực: giao tiếp, giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo,...

Khi sử dụng phương pháp đóng vai, GV cần đảm bảo những yêu cầu sau:

– Yêu cầu về tình huống đóng vai:

- + Tình huống đóng vai phải phù hợp với chủ đề bài học đạo đức, phù hợp với lứa tuổi, trình độ HS lớp 6 và điều kiện, hoàn cảnh lớp học.
- + Tình huống không nên quá dài và phức tạp.
- + Tình huống phải có nhiều cách giải quyết.
- + Tình huống cần để mở để HS tự tìm cách giải quyết, cách ứng xử phù hợp; không cho trước “kịch bản”, lời thoại.

– Yêu cầu về cách thực hiện:

Có thể tiến hành đóng vai theo các bước sau:

+ GV nêu chủ đề, chia nhóm và nêu tình huống, giao nhiệm vụ đóng vai cho từng nhóm. Mỗi tình huống có thể phân công một hoặc một vài nhóm cùng đóng vai.

+ GV cần quy định rõ thời gian chuẩn bị và thời gian đóng vai của mỗi nhóm.

+ Các nhóm thảo luận, xây dựng kịch bản và phân công đóng vai. Trong khi HS thảo luận và chuẩn bị đóng vai, GV nên đi đến từng nhóm lắng nghe và gợi ý, giúp đỡ HS khi cần thiết.

+ Các nhóm lên đóng vai.

+ Thảo luận lớp: nhận xét về cách ứng xử, cách thể hiện của các vai diễn.

+ GV kết luận, định hướng cho HS về cách ứng xử tích cực trong tình huống đã được đóng vai.

– Các yêu cầu khác:

+ Phải dành thời gian phù hợp, đủ cho HS thảo luận xây dựng kịch bản và chuẩn bị đóng vai.

+ Các vai diễn nên để HS xung phong hoặc tự phân công nhau đảm nhận.

+ Nên khích lệ cả những HS nhút nhát cùng tham gia.

+ Nên có hoá trang và đạo cụ đơn giản để tăng tính hấp dẫn của hoạt động đóng vai.

3.1.4. Phương pháp dự án

Phương pháp dự án là phương pháp trong đó HS tự thiết kế các kế hoạch rèn luyện, học tập từ đơn giản đến phức tạp để HS chủ động tự hoàn thiện bản thân và rèn luyện các kỹ năng ứng xử cùng các kỹ năng khác nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục. Thông qua phương pháp dự án, HS được thực hành ngay những kiến thức, kỹ năng đã học, có cơ hội để rèn luyện các kỹ năng giao tiếp, quyết định, giải quyết vấn đề, nhận xét đánh giá.

Khi sử dụng phương pháp dự án, GV cần đảm bảo những yêu cầu sau:

– Yêu cầu về dự án:

+ Nội dung dự án phải phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi và điều kiện thực hiện của HS.

+ Mục đích dự án phải rõ ràng và có tính thực tiễn, tính khả thi.

+ Cần tạo cơ hội để thu hút sự tham gia của HS trong dự án.

– Yêu cầu về quy trình thực hiện:

+ Chọn đề tài và xác định mục đích của dự án.

+ Xây dựng đề cương, kế hoạch thực hiện dự án:

▪ Đối tượng của dự án;

▪ Những việc cần làm;

▪ Thời gian dự kiến;

▪ Người phụ trách mỗi công việc; người phối hợp;

- Các bước thực hiện dự án.
- + Triển khai thực hiện dự án: Các thành viên thực hiện công việc thảo luận kế hoạch đã đề ra cho cả nhóm và cho mỗi cá nhân.
- + Các nhóm báo cáo việc thực hiện dự án trước lớp.
- + Đánh giá dự án:
 - Đánh giá quá trình thực hiện;
 - Kết quả đạt được;
 - Rút kinh nghiệm.
- Một số yêu cầu khác:
 - + Vấn đề đặt ra để HS thiết kế dự án phải rõ ràng, tránh những vấn đề quá phức tạp.
 - + Phải quy định thời hạn hoàn thành dự án.
 - + Nên để HS tự thiết kế dự án, sau đó trao đổi trong nhóm để rút kinh nghiệm, bổ sung cho nhau, tạo thành bản thiết kế tốt nhất.
 - + Cần tạo cơ hội để thu hút sự tham gia của HS trong dự án.

3.2. Các kiểu bài học môn Giáo dục công dân lớp 6

SGK *Giáo dục công dân 6* gồm bốn kiểu bài học, đó là bài học giáo dục đạo đức, giáo dục kỹ năng sống, giáo dục pháp luật và giáo dục kinh tế. Trong SGK *Giáo dục công dân 6* thuộc bộ sách Cánh Diều, các bài học được phân chia cụ thể như trong bảng dưới đây:

Các bài học về giáo dục đạo đức:

Bài 1. Tự hào về truyền thống gia đình, dòng họ

Bài 2. Yêu thương con người

Bài 3. Siêng năng, kiên trì

Bài 4. Tôn trọng sự thật

Bài 5. Tự lập

Các bài học về giáo dục kỹ năng sống:

Bài 6. Tự nhận thức bản thân

Bài 7. Ứng phó với các tình huống nguy hiểm từ con người

Bài 8. Ứng phó với các tình huống nguy hiểm từ thiên nhiên

Các bài học về giáo dục pháp luật:

Bài 10. Công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Bài 11. Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân

Bài 12. Quyền trẻ em

Bài học về giáo dục kinh tế:

Bài 9. Tiết kiệm

Cấu trúc mỗi bài học đều gồm 4 phần học tập: *Khởi động, Khám phá, Luyện tập, Vận dụng*.

Khi thực hiện dạy học các bài học trong SGK *Giáo dục công dân 6*, GV cần bám theo các yêu cầu cần đạt để không bị đi lệch trọng tâm của giờ học. Các yêu cầu cần đạt này đã được các tác giả viết sách cụ thể hoá trong việc thiết kế nội dung và hoạt động dạy học. Mặc dù có sự giống nhau về cấu trúc bài học và cùng bám theo định hướng phát triển năng lực HS, với mỗi kiểu bài học vẫn cần có cách tiếp cận vấn đề, cách dạy, cách học đặc trưng.

3.3. Cách dạy học

Cách dạy học *Giáo dục công dân 6* cần đáp ứng được đặc trưng của dạy học theo định hướng phát triển năng lực học sinh, khác với cách dạy học tập trung vào nội dung kiến thức. Sự khác biệt trong cách dạy học được thể hiện qua bảng dưới đây:

Dạy học theo tiếp cận nội dung	Dạy học theo tiếp cận năng lực
1. Coi trọng kiến thức	1. Coi trọng kỹ năng, thái độ
2. Coi trọng hoạt động ghi nhớ và tái hiện	2. Coi trọng hoạt động trải nghiệm, tìm tòi và khám phá
3. Coi trọng hiểu biết bề mặt	3. Coi trọng hiểu biết sâu
4. Coi trọng hoạt động tiếp thu, đồng nhất ý kiến	4. Coi trọng hoạt động thảo luận, tranh luận, phản biện, ý kiến riêng
5. Bài học được thiết kế dựa vào cấu trúc của nội dung học (Học cái gì?)	5. Bài học được thiết kế dựa vào cấu trúc của hoạt động học (Học thế nào?)
6. Lớp học tĩnh và học bị động	6. Lớp học động và học sinh năng động

3.3.1. Cách dạy học các bài giáo dục đạo đức

Với những kiểu bài giáo dục đạo đức, các giá trị đạo đức như: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm là những giá trị cốt lõi để các tác giả xây dựng lên các hoạt động học.

Để việc dạy học các bài học này được hiệu quả, GV chú trọng việc khai thác các câu chuyện, thông tin, tình huống thực tiễn gần gũi với HS trung học cơ sở, tiêu biểu, điển hình để giáo dục cho HS giá trị đạo đức của bài học thông qua các hoạt động tương tác, giao tiếp đa chiều.

Ví dụ: Để dạy cho HS tính siêng năng, kiên trì, việc sử dụng câu chuyện về cậu HS Rô-bi là phù hợp, giúp HS sau khi đọc, trao đổi thảo luận sẽ không khó để hiểu được thế nào là siêng năng, kiên trì. Trong quá trình tổ chức trên lớp, GV cần giúp HS khai thác nội dung thông tin, tìm ra những từ ngữ, nội dung nói về tính siêng năng, kiên trì, từng bước đi đến nội dung bài học được gửi gắm trong thông tin là siêng năng, kiên trì.

Các câu hỏi GV có thể thiết kế cho HS trả lời khi khai thác thông tin là:

- Vì sao Rô-bi vẫn tiếp tục luyện tập, dù không được mẹ đưa đến lớp?
- Điều gì giúp Rô-bi thành công trong buổi biểu diễn âm nhạc?
- Em hiểu thế nào là siêng năng, kiên trì?

SGK đã cung cấp khá phong phú các tình huống điển hình để giúp GV dạy cho HS các giá trị đạo đức. Trong quá trình khai thác tình huống, GV nên đi theo một quy trình của quá trình nhận thức: từ những trường hợp cụ thể (riêng) để đến những giá trị tổng thể (chung); từ thông tin, tình huống trong SGK để đến với đời sống thực tế của HS qua các hoạt động liên hệ. Bằng cách đó, GV giúp HS có thể kết nối cuộc sống với bài học, đưa bài học vào cuộc sống một cách thật tự nhiên.

Lưu ý: Cần tránh sa đà vào truyền thụ, áp đặt một chiều, nói những điều lí thuyết, giáo điều, làm cho HS không có cơ hội được giao tiếp, bày tỏ ý kiến, thái độ riêng, được thể hiện cảm xúc vào trong những câu chuyện, những tình huống có vấn đề liên quan đến cách sống, lối sống hằng ngày của các em.

Cần quan tâm việc phát triển thái độ, cảm xúc và hành vi cho HS, gắn liền với giá trị đạo đức nào đó. Do đó, với kiểu bài học này, GV cần khuyến khích HS bày tỏ ý kiến, thái độ và liên hệ đến cuộc sống thực của mình.

3.3.2. Cách dạy học các bài giáo dục kĩ năng sống

Khác với kiểu bài học giáo dục đạo đức vốn tập trung vào việc phát triển các giá trị đạo đức và thái độ sống phù hợp với HS, bài học giáo dục kĩ năng sống lại thiên về tính thực hành – một đặc trưng của các bài học giáo dục kĩ năng sống. Khi dạy các bài học kiểu này, GV cần thiết kế, tổ chức nhiều hoạt động thực hành gần gũi với các việc

làm của HS khi ở nhà, ở trường để các em có cơ hội được rèn luyện và phát triển, từ đó dần dần tạo nên những kỹ năng và thói quen sống tích cực.

Ví dụ: Đề giáo dục kỹ năng ứng phó với tình huống nguy hiểm, ở bài 8 “Ứng phó với tình huống nguy hiểm từ thiên nhiên”, các tác giả đã đưa ra các hoạt động, việc làm để HS có thể nhận biết, quan sát, ghi nhớ và phòng tránh, ứng phó. Chẳng hạn như: hoạt động đọc thông tin, quan sát hình ảnh, thảo luận về các tình huống nguy hiểm từ thiên nhiên và cách ứng phó. Tất cả những hoạt động đó là những dữ liệu để GV tổ chức thành các hoạt động cho HS thực hành ngay tại lớp, sẽ giúp cho giờ học “động” hơn, chất “kỹ năng sống” nhiều hơn, khác với các giờ học “tĩnh” truyền thống. Đồng thời, HS còn thực hành ở nhà với sự tham gia theo dõi, đánh giá của cha mẹ HS.

3.3.3. Cách dạy học các bài về giáo dục pháp luật

Để việc dạy học các bài học về giáo dục pháp luật được hiệu quả, GV cần tăng cường khai thác các thông tin, tình huống pháp luật (giả định hoặc có thật), đa dạng, gần gũi với HS trung học cơ sở, tiêu biểu, điển hình, kết hợp với việc cho HS tìm hiểu các điều luật cụ thể,... để giáo dục cho HS về các chuẩn mực pháp luật được đặt ra trong yêu cầu của bài học, thông qua các hoạt động trao đổi, thảo luận theo nhóm, theo lớp.

Ví dụ: Khi dạy bài “Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân”, GV có thể tổ chức cho HS quan sát hình ảnh, đọc thông tin về một số điều của Hiến pháp để nhận biết được thế nào là quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Với nội dung khó, GV có thể cho HS đọc một số điều của Hiến pháp để nắm được nội dung quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân một cách cơ bản nhất. Cùng với việc đọc thông tin, tìm hiểu các điều khoản của Hiến pháp, GV cần tăng cường sử dụng tình huống trong các hoạt động học tập. Các tình huống phải gần gũi thực tiễn, gần với lứa tuổi và nhận thức của HS để thay đổi không khí lớp học, tránh việc chỉ trao đổi các điều luật một cách nhàm chán.

3.3.4. Những lưu ý cần thiết khi khai thác nội dung sách giáo khoa Giáo dục công dân 6 trong dạy học

Một trong những nguyên tắc mà GV cần bám sát khi khai thác nội dung SGK *Giáo dục công dân 6* là: Luôn lấy yêu cầu cần đạt làm cơ sở cho việc tổ chức các hoạt động dạy học trên lớp. Nội dung học tập được HS thảo luận, được GV đưa ra phải bám sát nội dung yêu cầu cần đạt, tránh tình trạng đưa nội dung phụ thành nội dung chính, đi sâu phân tích mặt trái của vấn đề làm sai lệch yêu cầu của bài học. Chẳng hạn, bên cạnh việc tập trung vào nội dung chính là kế thừa truyền thống của gia đình, dòng họ thì GV lại dành nhiều thời gian đi sâu phân tích, phê phán những biểu hiện không kế thừa truyền thống của gia đình, dòng họ.

Trên cơ sở SGK, GV hoàn toàn có thể linh hoạt, sáng tạo đưa ra những lựa chọn mới phù hợp hơn với thực tiễn sinh động của lớp học, trường học của mình. GV được quyền sáng tạo và linh hoạt trong việc sử dụng SGK, thay đổi dữ liệu, chất liệu, thay đổi tình huống, câu chuyện, cách tiếp cận vấn đề,... để thực sự có được những giờ học “học sinh là trung tâm”, mà không phải “sách là trung tâm”, hay “giáo viên là trung tâm”.

SGK *Giáo dục công dân 6* của bộ sách Cánh Diều phù hợp với mọi vùng miền trong cả nước, vì các tác giả đã tính đến sự đa dạng, khác biệt vùng miền. Tuy vậy, sự phổ quát đó khi đưa vào sử dụng trong thực tế vẫn có thể được điều chỉnh để trở nên “địa phương hoá”, để từ đó có những giờ học giàu tính thực tế hơn, gần gũi và hấp dẫn hơn với HS.

IV- ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN LỚP 6

Đánh giá là một khâu quan trọng của quá trình dạy học môn Giáo dục công dân cho học sinh. Việc đánh giá kết quả học tập môn GD CD theo tinh thần đổi mới hướng tới mục đích chủ yếu của kiểm tra, đánh giá là nhằm đánh giá khả năng tư duy, năng lực của HS theo các yêu cầu về năng lực chung và năng lực đặc thù của môn học, khả năng vận dụng kiến thức của HS vào đời sống thực tiễn; đánh giá thái độ của HS trước các hiện tượng, vấn đề đạo đức, pháp luật trong đời sống xã hội xung quanh.

Khi chuyển từ đánh giá theo chuẩn kiến thức, kỹ năng sang đánh giá theo năng lực, GV cần nhận ra được khả năng tiềm ẩn của HS, không chỉ đánh giá cái mà HS “biết” mà cần đánh giá những gì HS “làm”; quan tâm nhiều hơn đến sự tiến bộ và mức độ năng lực của mỗi cá nhân được bộc lộ trong quá trình học tập, qua đó có sự điều chỉnh nội dung và phương pháp dạy học phù hợp. Đánh giá theo định hướng phát triển năng lực lấy kết quả đầu ra và các phương diện biểu hiện làm mục tiêu.

Đánh giá theo định hướng phát triển năng lực, lấy kết quả đầu ra và các phương diện biểu hiện năng lực của học sinh làm căn cứ, chú ý đến các nội dung đánh giá mang tính tổng hợp, gắn với việc giải quyết các tình huống thực tiễn.

Như vậy, đánh giá theo định hướng phát triển năng lực cần được thực hiện rộng rãi và đa chiều, được thiết kế theo nhu cầu phát triển và mức độ của HS. Để phát triển năng lực HS, việc đánh giá không chỉ đánh giá kết quả đầu ra mà còn tập trung vào đánh giá quá trình, đánh giá sự tiến bộ của HS.

4.1. Mục tiêu đánh giá

Đánh giá kết quả học tập môn GD CD theo định hướng phát triển năng lực HS nhằm mục tiêu:

– Đánh giá mức độ phát triển năng lực của HS dựa theo chuẩn đầu ra của Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể và theo chuẩn đầu ra của Chương trình môn học.

– Báo cáo cho cha mẹ và các bên liên quan ở các cấp về thành tích, sự tiến bộ về khả năng của HS; xây dựng hồ sơ học tập về các kỹ năng của HS trong suốt quá trình học tập ở trường phổ thông;

– Cung cấp thông tin cho việc đánh giá, xem xét lại sự phù hợp của chuẩn đầu ra của Chương trình môn GD&CD cũng như chất lượng của nội dung, phương pháp giảng dạy môn GD&CD được sử dụng trong lớp học.

4.2. Yêu cầu đánh giá

1. Kết hợp đánh giá thông qua các nhiệm vụ học tập (bài kiểm tra dưới dạng trắc nghiệm, vấn đáp hoặc tự luận, bài tập thực hành, bài tiểu luận, bài thuyết trình, bài tập xây dựng kế hoạch, dự án nghiên cứu,...) với đánh giá thông qua quan sát biểu hiện về thái độ, hành vi của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập được tổ chức trên lớp học, hoạt động nhóm, tập thể hay cộng đồng và trong sinh hoạt, giao tiếp hằng ngày.

Chú trọng sử dụng các bài tập tình huống được xây dựng trên cơ sở gắn kiến thức của bài học với đời sống thực tiễn, đặc biệt là những tình huống, sự việc, vấn đề, hiện tượng của thực tế cuộc sống xung quanh, gần gũi với HS. Tăng cường các câu hỏi mở gắn với thực tiễn trong các bài tập kiểm tra, đánh giá để HS được thể hiện phẩm chất và năng lực.

Việc đánh giá thông qua quan sát biểu hiện về thái độ, hành vi ứng xử của HS trong quá trình tham gia vào các hoạt động học tập, sinh hoạt ở trường, ở nhà và ở cộng đồng cần dựa trên phiếu nhận xét của GV, HS, gia đình và các tổ chức xã hội.

2. Kết hợp đánh giá của GV với tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng của HS, đánh giá của phụ huynh HS và đánh giá của cộng đồng, trong đó đánh giá của GV là quan trọng nhất; coi trọng đánh giá sự tiến bộ của HS.

3. Kết quả đánh giá sau mỗi học kỳ và cả năm học đối với mỗi HS là kết quả tổng hợp đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4.3. Định hướng đánh giá

Do đặc thù của môn GD&CD, việc đánh giá kết quả học tập môn học này của học sinh lớp 6 cần được thực hiện theo một số định hướng sau:

** Đánh giá cả về nhận thức và hành vi, thái độ của HS*

Mục đích cuối cùng của môn GD&CD là hình thành và phát triển các hành vi, đạo đức, pháp luật, kỹ năng sống và thái độ của HS trước các hiện tượng, vấn đề của đời sống thực tiễn xã hội xung quanh. Do vậy, đánh giá kết quả học tập môn GD&CD của HS lớp 6 cần đánh giá cả về nhận thức và về thái độ, biểu hiện hành vi thực hiện bài học giáo dục công dân của HS trong cuộc sống hằng ngày ở nhà trường, gia đình và cộng đồng; trong đó, đặc biệt coi trọng việc đánh giá hành vi của HS.

** Kết hợp giữa đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ*

Kết hợp giữa đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ vào cuối học kỳ I và cuối năm học. Đánh giá môn GDCC vì sự tiến bộ của HS, coi trọng kết quả HS đạt được vào cuối mỗi giai đoạn học tập, tính đến thời điểm đánh giá.

** Phương thức đánh giá*

Đánh giá môn GDCC phải kết hợp giữa đánh giá của giáo viên chủ nhiệm với tự đánh giá của HS, đánh giá đồng đẳng của HS, đánh giá của các GV dạy môn chuyên biệt (Âm nhạc, Mỹ thuật, Giáo dục thể chất) và phụ huynh HS; trong đó, đánh giá của GV chủ nhiệm là quan trọng nhất.

** Việc đánh giá thường xuyên cần được thực hiện thông qua:*

- Quan sát biểu hiện về thái độ, hành vi của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập được tổ chức trên lớp học.
- Quan sát, đánh giá các sản phẩm học tập của HS.
- Quan sát HS tham gia các hoạt động tập thể và trong sinh hoạt, giao tiếp hằng ngày.

Việc kết hợp các hình thức đánh giá cần được thực hiện theo định hướng đổi mới giáo dục được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và theo các văn bản chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Việc đánh giá phải bảo đảm nguyên tắc: Đánh giá sự tiến bộ của HS, coi trọng sự động viên, khuyến khích cố gắng trong học tập, rèn luyện của HS; giúp HS phát huy nhiều nhất năng lực sẵn có hoặc đã được hình thành; đảm bảo kịp thời, công bằng, khách quan; không so sánh HS này với HS khác, không tạo áp lực cho HS, GV và cha mẹ HS.

V- GIỚI THIỆU VỀ HỆ THỐNG SÁCH GIÁO KHOA, SÁCH GIÁO VIÊN, CÁC TÀI LIỆU THAM KHẢO BỔ TRỢ VÀ HỌC LIỆU ĐIỆN TỬ, THIẾT BỊ DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN LỚP 6

Cùng với SGK *Giáo dục công dân 6*, trong bộ sách môn Giáo dục công dân lớp 6 thuộc Cánh Diều lớp 6 còn có hệ thống tài liệu hỗ trợ giáo viên, học sinh trong dạy học:

- 1) Sách giáo viên *Giáo dục công dân 6*
- 2) Bài tập *Giáo dục công dân 6*
- 3) Vở bài tập *Giáo dục công dân 6*
- 4) Học liệu điện tử
- 5) Thiết bị và đồ dùng học tập

5.1. Học liệu điện tử

Học liệu điện tử môn Giáo dục công dân lớp 6 gồm SGK phiên bản điện tử và SGK điện tử Cánh Diều.

5.5.1. Phiên bản điện tử SGK Giáo dục công dân 6

SGK phiên bản điện tử là phiên bản điện tử của SGK giấy, được số hoá. Giáo viên, học sinh có thể truy cập, sử dụng tiện lợi khi không cần phải có SGK giấy bên cạnh. Phiên bản điện tử mẫu của bộ SGK lớp 6 Cánh Diều được đăng tải trên website: hoc10.vn

5.5.2. Video clip hỗ trợ dạy học GD CD 6

Hệ thống học liệu, video clip hoạt hình hoá nội dung, hình ảnh, các dạng bài tập tương tác, giữa sách với người học, có khả năng hỏi đáp – đánh giá kết quả làm bài của người học, do đó có tác dụng hướng dẫn học tập và theo dõi quá trình học của học sinh.

5.2. Thiết bị và đồ dùng dạy học

Thiết bị, đồ dùng dạy học môn Giáo dục công dân lớp 6 được xây dựng phù hợp theo Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Ngoài ra, có bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với đặc điểm của SGK Giáo dục công dân 6 “Cánh Diều”.

Phần thứ hai. HƯỚNG DẪN THIẾT KẾ KẾ HOẠCH BÀI DẠY GIÁO DỤC CÔNG DÂN 6

(Theo Công văn số 5512/BGDĐT–GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT)

I – CẤU TRÚC KẾ HOẠCH BÀI DẠY

TÊN BÀI:

Thời gian thực hiện: (số iết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

Nêu cụ thể nội dung kiến thức HS cần học trong bài theo yêu cầu cần đạt đã ghi trong SGK.

2. Về năng lực

Nêu cụ thể yêu cầu HS **làm được gì** (biểu hiện cụ thể của năng lực chung và năng lực đặc thù môn học cần phát triển) trong hoạt động học để **chiếm lĩnh** và **vận dụng** kiến thức theo yêu cầu cần đạt của chương trình môn học/hoạt động giáo dục.

3. Về phẩm chất

Nêu cụ thể yêu cầu về hành vi, thái độ (biểu hiện cụ thể của phẩm chất cần phát triển gắn với nội dung bài dạy) của HS trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập và vận dụng kiến thức vào cuộc sống.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Sách;
- Đồ dùng học tập;
- Học liệu.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

KHỞI ĐỘNG

Hoạt động 1: Khởi động

a) Mục tiêu

Xác định rõ mục tiêu của hoạt động là gì (tạo không khí thoải mái cho HS chuẩn bị vào bài học mới; HS bước đầu nhận biết, làm quen với nội dung bài học;...).

b) Tổ chức thực hiện

- GV giao nhiệm vụ cho HS.
- HS thực hiện nhiệm vụ.

– GV giới thiệu bài học mới và những yêu cầu nhiệm vụ cụ thể cần giải quyết trong bài học.

KHÁM PHÁ

Hoạt động 2 (3, 4): Hình thành kiến thức mới (Ghi rõ tên thể hiện kết quả hoạt động).

a) Mục tiêu

- Nêu mục tiêu giúp HS thực hiện nhiệm vụ học tập để chiếm lĩnh kiến thức mới.
- Các năng lực được phát triển cho HS.

b) Tổ chức thực hiện

Trình bày cụ thể các bước tổ chức hoạt động học cho HS:

- GV nêu yêu cầu nhiệm vụ cho HS (làm việc theo nhóm: quan sát hình ảnh, đọc thông tin, thảo luận, trả lời câu hỏi,...).
- Sản phẩm làm việc của HS.
- GV kết luận, chốt kiến thức về những nội dung trong hoạt động.

LUYỆN TẬP

Hoạt động 5: Luyện tập

a) Mục tiêu

- Nêu rõ mục tiêu vận dụng kiến thức đã học.
- Nêu rõ yêu cầu phát triển các kĩ năng vận dụng kiến thức cho HS.

b) Tổ chức thực hiện

- Nêu rõ cách thức giao nhiệm vụ cho HS; hướng dẫn hỗ trợ HS thực hiện; kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện.
- Nêu rõ nội dung cụ thể của hệ thống câu hỏi, bài tập tự luận, tình huống,... giao cho học sinh thực hiện.
- Sản phẩm: Đáp án, lời giải của các câu hỏi, bài tập do HS thực hiện, viết báo cáo, thuyết trình.
- Nêu rõ các năng lực hình thành ở HS sau phần Luyện tập.

VẬN DỤNG

Hoạt động 6: Vận dụng

a) Mục tiêu

Nêu rõ mục tiêu phát triển năng lực cụ thể của HS thông qua nhiệm vụ/yêu cầu vận dụng kiến thức, kĩ năng vào thực tiễn.

b) Tổ chức thực hiện

Giao cho HS thực hiện các bài tập vận dụng ngoài giờ học trên lớp và nộp báo cáo để trao đổi, chia sẻ và đánh giá vào các thời điểm phù hợp trong kế hoạch giáo dục môn học của GV.

Tổng kết bài học

- Tổng kết những nội dung chính của bài học thông qua một số câu hỏi.
- Hướng dẫn HS tự đánh giá sau bài học.

II- BÀI SOẠN MINH HOẠ

Bài 3 **SIÊNG NĂNG, KIÊN TRÌ** **(3 tiết)**

I – MỤC TIÊU

Học xong bài này HS cần đạt được những yêu cầu sau:

1. Về kiến thức

- Nêu được khái niệm siêng năng, kiên trì; biểu hiện của siêng năng, kiên trì.
- Nhận biết được ý nghĩa của siêng năng, kiên trì.

2. Về năng lực

HS được phát triển các năng lực:

- *Tự chủ và tự học*: Tự giác học tập, lao động; kiên trì thực hiện mục tiêu học tập.
- *Điều chỉnh hành vi*: Tự đánh giá được mức độ siêng năng, kiên trì của bản thân, qua đó điều chỉnh tính siêng năng tham gia các hoạt động học tập ở lớp, ở nhà, trong lao động và trong cuộc sống hằng ngày.
- *Phát triển bản thân*: Kiên trì mục tiêu, thực hiện nhiệm vụ học tập và rèn luyện tính kiên trì trong cuộc sống.
- *Tư duy phê phán*: Đánh giá, phê phán được những hành vi lười biếng, ỷ lại trong học tập, trốn tránh công việc, hay nản lòng trong học tập, lao động và trong cuộc sống.
- *Hợp tác, giải quyết vấn đề*: Hợp tác với các bạn trong lớp trong các hoạt động học tập; cùng bạn bè tham gia giải quyết nhiệm vụ học tập, trả lời các câu hỏi trong bài học.

3. Về phẩm chất

- *Chăm chỉ*: Quý trọng, ủng hộ những người siêng năng, kiên trì trong học tập và lao động.
- *Trách nhiệm*: Tích cực hoàn thành nhiệm vụ học tập, lao động.

II – THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, sách bài tập *Giáo dục công dân 6*;

- Các video clip liên quan đến bài học;
- Tranh ảnh về nội dung bài học;
- Tranh ảnh về truyền thống gia đình, dòng họ;
- Phiếu học tập;
- Phương tiện thiết bị: máy chiếu, máy tính, bảng phụ,... (nếu có);
- Giấy khổ lớn các loại.

III – TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

KHỞI ĐỘNG

Hoạt động 1: Khởi động

a) Mục tiêu

HS bước đầu nhận biết về tính cách làm việc siêng năng, kiên trì để chuẩn bị vào bài học mới.

b) Tổ chức thực hiện

- GV yêu cầu HS cả lớp quan sát hình ảnh và nêu biểu hiện của hai bạn trong hình ảnh.
- HS quan sát hình ảnh, trả lời câu hỏi.
- GV tóm tắt ý kiến của HS về hai hình ảnh:
 - + Hình 1: Bạn nam không chịu suy nghĩ, bỏ dở bài tập.
 - + Hình 2: Bạn nữ kiên trì suy nghĩ, quyết tâm làm bài tập.
- GV giới thiệu bài học mới “Siêng năng, kiên trì”.

KHÁM PHÁ

1. Hoạt động 2: Tìm hiểu khái niệm siêng năng, kiên trì

a) Mục tiêu

- HS nêu được thế nào là siêng năng kiên trì.
- HS được phát triển năng lực phát triển bản thân và năng lực tư duy phê phán.

b) Tổ chức thực hiện

GV tổ chức cho HS hoạt động “Đọc thông tin và trả lời câu hỏi”.

– GV giao nhiệm vụ từng HS làm việc cá nhân, đọc thông tin trang 15–16 trong SGK và thảo luận nhóm lần lượt theo các câu hỏi:

- 1) Vì sao Rô-bi vẫn tiếp tục luyện tập, dù không được mẹ đưa đến lớp?
- 2) Điều gì giúp Rô-bi thành công trong buổi biểu diễn âm nhạc?
- 3) Em hiểu thế nào là siêng năng, kiên trì?

– HS:

- + Làm việc cá nhân: Đọc thông tin trang 15, 16, SGK Giáo dục công dân 6.
- + Thảo luận nhóm theo 3 câu hỏi nêu trên.

– HS các nhóm trình bày câu hỏi.

– Sản phẩm làm việc của HS:

HS cần nêu được:

1) Dù không được mẹ đưa đến lớp học đàn dương cầm, nhưng Rô-bi vẫn tiếp tục luyện tập vì bạn quyết tâm phấn đấu luyện tập để chơi được đàn dương cầm.

2) Rô-bi thành công trong buổi biểu diễn vì đã chịu khó, miệt mài luyện tập đánh đàn một cách liên tục, không bỏ dở giữa chừng.

3) Khái niệm siêng năng, kiên trì:

– Siêng năng là tính cách làm việc tự giác, cần cù, chịu khó, thường xuyên của con người.

– Kiên trì là tính cách làm việc miệt mài, quyết tâm giữ và thực hiện ý định đến cùng, dù gặp khó khăn, trở ngại cũng không nản chí.

– GV hướng dẫn HS kết luận về khái niệm siêng năng, kiên trì:

+ *Siêng năng là tính cách làm việc tự giác, cần cù, chịu khó, thường xuyên của con người.*

+ *Kiên trì là tính cách làm việc miệt mài, quyết tâm giữ và thực hiện ý định đến cùng, dù gặp khó khăn, trở ngại cũng không nản chí.*

Hoạt động 3: Tìm biểu hiện của siêng năng, kiên trì

a) Mục tiêu

– HS nêu được các biểu hiện của siêng năng, kiên trì.

– HS được phát triển năng lực phát triển bản thân.

b) Tổ chức thực hiện

– GV giao nhiệm vụ HS quan sát cá nhân các hình ảnh 1, 2, 3, 4 trong SGK; thảo luận nhóm theo các câu hỏi:

1) *Các nhân vật trong mỗi hình ảnh trên đã làm việc như thế nào?*

2) *Tính siêng năng, kiên trì được biểu hiện như thế nào trong học tập, lao động và trong cuộc sống?*

– HS làm việc theo nhóm.

– GV mời đại diện các nhóm phát biểu; các nhóm khác bổ sung.

– Sản phẩm làm việc của HS:

HS nêu được:

1) Các nhân vật trong mỗi hình ảnh trên đã làm việc chăm chỉ, miệt mài, thường xuyên, kiên trì, với quyết tâm cao:

+ Hình 1: HS chăm chỉ lao động trồng rau ngoài giờ học.

+ Hình 2: Bạn HS nữ kiên trì, quyết tâm làm bài tập.

+ Hình 3: Những người nông dân miệt mài lao động trên cánh đồng.

+ Hình 4: Bác nông dân chăm chỉ, thường xuyên chăm sóc vườn cây.

Như vậy, các nhân vật trong các hình ảnh trên đã làm việc một cách siêng năng, kiên trì.

2) Tính siêng năng, kiên trì được biểu hiện trong học tập, lao động và trong cuộc sống:

+ Trong học tập: Đi học đều, làm bài tập đầy đủ, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập ở lớp, gặp bài khó không nản lòng,...

+ Trong lao động: Chăm chỉ làm các công việc trong gia đình phù hợp với lứa tuổi.

+ Trong cuộc sống hằng ngày: Tích cực tham gia các hoạt động xã hội do nhà trường và địa phương tổ chức.

– GV hướng dẫn HS kết luận về biểu hiện của siêng năng, kiên trì (trang 17, SGK *Giáo dục công dân 6*).

Hoạt động 4: Tìm hiểu ý nghĩa của siêng năng, kiên trì

a) Mục tiêu

– HS nhận biết được ý nghĩa của siêng năng, kiên trì.

– HS phát triển được năng lực tư duy phê phán.

b) Tổ chức thực hiện

GV tổ chức hoạt động “Đọc thông tin và trả lời câu hỏi”.

– GV yêu cầu HS đọc thông tin theo cá nhân về Tho–mát Ê–đi–xơn và thảo luận theo nhóm:

1) *Qua thông tin trên, theo em siêng năng, kiên trì đã mang lại kết quả gì cho Ê–đi–xơn?*

2) *Siêng năng, kiên trì có ý nghĩa như thế nào đối với mỗi cá nhân và xã hội?*

– HS thực hiện nhiệm vụ.

– GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận theo hai câu hỏi trên.

– Các nhóm khác góp ý bổ sung, hoàn thiện.

– Sản phẩm làm việc của HS:

HS nêu được:

1) Nhờ tính cách siêng năng làm việc miệt mài, liên tục, dù phải qua nhiều lần thất bại, nhưng với sự quyết tâm, không nản chí, không lùi bước trước khó khăn mà Ê–đi–xơn đã nghiên cứu thành công bóng đèn điện, mang lại ánh sáng đầu tiên cho toàn thể nhân loại.

2) Người siêng năng, kiên trì sẽ thành công trong mọi công việc, từ đó mà có được hạnh phúc trong cuộc sống.

– GV hướng dẫn HS kết luận về ý nghĩa của siêng năng, kiên trì: *Siêng năng, kiên trì giúp con người thành công, hạnh phúc trong cuộc sống.*

LUYỆN TẬP

Hoạt động 5: Luyện tập, củng cố

a) Mục tiêu

- HS luyện tập, củng cố kiến thức, kỹ năng đã được hình thành trong phần Khám phá.
- HS phát triển được năng lực tự chủ và tự học, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

b) Tổ chức thực hiện

– GV yêu cầu HS làm các bài tập trong SGK trên lớp và ở nhà theo cá nhân và theo nhóm.

- HS thực hiện nhiệm vụ.

GV mời một số HS đại diện các nhóm trả lời các câu hỏi, bài tập.

GV kết luận, gợi ý các bài tập khó:

Bài tập 1: Có người cho rằng, siêng năng, kiên trì là nguồn gốc và điều kiện để dẫn đến thành công. Em đồng ý hay không đồng ý với ý kiến trên? Vì sao?

HS cần nêu được: Làm việc gì cũng cần siêng năng, kiên trì. Người siêng năng, kiên trì không nản chí, không bỏ dở công việc giữa chừng, mà miệt mài, chăm chỉ, quyết tâm làm việc, kiên trì thực hiện mục tiêu đề ra, nhờ đó mà thành công trong học tập, lao động và trong cuộc sống.

Bài tập 5: Em hiểu thế nào là câu nói “Có công mài sắt có ngày nên kim”?

HS cần nêu được: Người siêng năng, chăm chỉ, kiên trì, quyết tâm phấn đấu sẽ hoàn thành được nhiệm vụ, đạt được nguyện vọng của mình.

VẬN DỤNG

Hoạt động 6: Vận dụng

a) Mục tiêu

Hình thành và phát triển ở HS năng lực điều chỉnh hành vi, năng lực phát triển bản thân.

b) Tổ chức hoạt động

Bài tập vận dụng 1: GV giao nhiệm vụ cho 1 HS lập bản cam kết, HS cả lớp đăng kí tham gia; đồng thời giao nhiệm vụ cho một số em phụ trách theo dõi việc thực hiện cam kết của HS trong lớp, cuối mỗi tuần thống kê, tổng kết xem ai là người kiên trì thực hiện đúng cam kết.

Bài tập vận dụng 2: GV giao nhiệm vụ cho HS trong lớp lập kế hoạch cá nhân rèn luyện tính siêng năng, kiên trì và tự đánh giá việc rèn luyện của bản thân theo từng tuần, từng tháng.

Bài 11

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CƠ BẢN CỦA CÔNG DÂN VIỆT NAM

(3 tiết)

I – MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS cần đạt được các yêu cầu sau:

1. Về kiến thức

Nêu được quy định của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.

2. Về năng lực

HS được phát triển các năng lực:

- *Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội*: Tìm hiểu Hiến pháp và tham gia các hoạt động thực hiện quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.
- *Năng lực phát triển bản thân*: Nhận thức được những điểm mạnh, điểm yếu của bản thân; xác định, lập kế hoạch học tập, lao động, rèn luyện của bản thân phù hợp với quyền và nghĩa vụ học tập của công dân.
- *Năng lực điều chỉnh hành vi*: Đánh giá được hành vi của bản thân; điều chỉnh hành vi trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân phù hợp với lứa tuổi.

3. Về phẩm chất

- *Trách nhiệm*: Có trách nhiệm trong học tập, lao động và trong cuộc sống, thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân học sinh.
- *Chăm chỉ*: Chăm học để thực hiện quyền và nghĩa vụ học tập của học sinh.

II – THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, sách bài tập *Giáo dục công dân 6*;
- Bảng/đĩa/clip bài hát, tranh, hình ảnh về nội dung bài học;
- Phương tiện thiết bị: Máy chiếu, máy tính, bảng phụ,... (nếu có);
- Phiếu học tập;
- Giấy khổ lớn các loại.

III – TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

KHỞI ĐỘNG

Hoạt động 1: Khởi động

a) Mục tiêu

- Tạo không khí vui vẻ để HS chuẩn bị vào bài học mới.
- HS bước đầu nhận biết được quyền và nghĩa công dân.

b) Tổ chức thực hiện

- GV yêu cầu HS cả lớp quan sát hình ảnh, suy nghĩ, nêu các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.
- HS quan sát hình ảnh, suy nghĩ, trả lời câu hỏi.
- GV tổng hợp ý kiến của HS và giới thiệu bài học mới.

KHÁM PHÁ

Hoạt động 2: Tìm hiểu quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân

a) Mục tiêu

- HS biết được thế nào là quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.
- HS được phát triển các năng lực: tự học; hợp tác.

b) Tổ chức thực hiện

- GV tổ chức các nhóm HS quan sát hình ảnh, đọc thông tin; trả lời theo hai câu hỏi:
1) *Hình ảnh và thông tin trên đây thể hiện những quyền và nghĩa vụ cơ bản nào của công dân?*

- 2) *Em hiểu thế nào là quyền và nghĩa vụ cơ bản nào của công dân?*

- HS trao đổi, làm việc nhóm.
- GV mời các nhóm trình bày ý kiến của mình. Các nhóm khác bổ sung.
- GV hướng dẫn HS kết luận:

1) Hình ảnh 1 và thông tin 3 thể hiện quyền và nghĩa vụ học tập của công dân. Hình ảnh 2 và thông tin 1, 2 thể hiện quyền bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân.

2) Thế nào là quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân?, trả lời theo khung chốt kiến thức ở cuối trang 53.

Hoạt động 3: Thảo luận, nêu được quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân theo Hiến pháp 2013

a) Mục tiêu

- HS nêu được nội dung quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.
- HS được phát triển các năng lực: tự học; hợp tác; phát triển bản thân.

b) Tổ chức hoạt động

- GV tổ chức lớp thành các nhóm; giao nhiệm vụ cho các nhóm đọc các điều khoản của Hiến pháp về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; trả lời câu hỏi: *Công dân có những quyền và nghĩa vụ cơ bản nào theo Hiến pháp 2013?*

- Các nhóm HS làm việc.

– GV mời 4 – 5 nhóm lên trình bày (mỗi nhóm trình bày 3 – 4 điều của Hiến pháp). Khi đại diện các nhóm trình bày, GV yêu cầu HS nói những hiểu biết của mình về điều khoản vừa nêu. Các nhóm khác hoặc HS khác trong nhóm có thể bổ sung, giải thích về các quyền và nghĩa vụ này.

– GV nhận xét, kết luận về các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân được quy định trong 16 điều của Hiến pháp.

– Tùy từng đối tượng HS, GV có thể giải thích cho HS hiểu về nội dung một số quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân quy định trong Hiến pháp:

+ Điều 20, có nghĩa là:

- Không ai được xâm phạm đến thân thể của người khác, trừ trường hợp được pháp luật cho phép.

- Không ai được làm tổn hại cho sức khỏe người khác; không ai được nói xấu, xúc phạm, bôi nhọ danh dự của người khác.

+ Điều 21 có nghĩa là:

- Không ai được xâm phạm đến chuyện riêng tư của người khác.

- Danh dự, nhân phẩm của cá nhân được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ. Khi danh dự, uy tín của mình bị xâm phạm, công dân có quyền đề nghị các cơ quan nhà nước có thẩm quyền can thiệp, bảo vệ, giúp đỡ.

- Không ai được xâm phạm bí mật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác như Faccebook, Zalo và các mạng xã hội khác.

+ Điều 24 có nghĩa là: Công dân có quyền tự do thể hiện quan điểm, quyết định của mình theo tôn giáo này hay tôn giáo khác, không ai được ép buộc hoặc cản trở.

+ Điều 25 có nghĩa là: Công dân có quyền tự do phát biểu ý kiến, quan điểm của mình về tất cả các vấn đề chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội của địa phương, cơ sở và đất nước.

+ Điều 28 có nghĩa là: Công dân có quyền tham gia bàn bạc, góp ý kiến vào các công việc chung của đất nước, như chủ trương, chính sách, kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội của Nhà nước ở trung ương cũng như ở địa phương, cơ sở; góp ý kiến với cán bộ công chức nhà nước, với đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân về xây dựng bộ máy, phát triển kinh tế – xã hội,...

+ Điều 30 có nghĩa là:

- Công dân có quyền đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét lại quyết định, hành vi của cơ quan nhà nước và của người có thẩm quyền trong cơ quan nhà nước hoặc quyết định kỉ luật cán bộ, công chức khi có căn cứ cho rằng quyết định hoặc hành vi đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

- Công dân có quyền và nghĩa vụ báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền biết về hành vi vi phạm pháp luật của bất cứ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức.

+ Điều 32 có nghĩa là:

- Công dân có đầy đủ quyền chiếm hữu, quyền sử dụng và quyền định đoạt đối với tài sản của mình.

- Mọi tài sản hợp pháp của cá nhân đều được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

- Nhà nước bảo vệ quyền sở hữu của mọi cá nhân, xử lý nghiêm các hành vi xâm phạm tới tài sản của cá nhân.

+ Điều 33 có nghĩa là: Công dân có quyền tự do kinh doanh trong các ngành nghề, nếu đáp ứng các tiêu chuẩn quy định và được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Ví dụ: mở cửa hàng bán dược phẩm thì phải có bằng tốt nghiệp cao đẳng Dược; mở cửa hàng ăn uống thì phải có xác nhận về sức khỏe của cơ quan y tế;...

+ Điều 43 có nghĩa là:

- Công dân có quyền yêu cầu các cơ quan nhà nước đảm bảo môi trường trong lành để bảo vệ sức khỏe.

- Công dân có nghĩa vụ bảo vệ môi trường, từ môi trường ở gia đình, trong khu dân cư đến môi trường công cộng, môi trường khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

+ Điều 47 có nghĩa là: Công dân có nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật. Cụ thể: Người sản xuất, kinh doanh phải nộp thuế thu nhập đúng kì hạn, kê khai đúng số lượng, đúng doanh thu; mọi người phải nộp thuế thu nhập cá nhân theo các mức quy định.

Hoạt động 4: Thảo luận về cách thức thực hiện quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân

a) Mục tiêu

- HS hiểu về cách thức thực hiện quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.
- HS được phát triển năng lực điều chỉnh hành vi hợp tác, năng lực điều chỉnh hành vi.

b) Tổ chức thực hiện

- GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm về 4 tình huống, tương ứng với 4 quyền cơ bản của công dân.

- Các nhóm trao đổi, thảo luận.

- GV lần lượt gọi các nhóm báo cáo kết quả thảo luận theo từng tình huống. Mỗi tình huống gọi 1 nhóm trình bày và các nhóm khác bổ sung. GV kết luận ngay sau mỗi tình huống.

Câu hỏi ở tình huống 1:

1) Em hãy nhận xét việc thực hiện quyền tự do ngôn luận của HS trong trường hợp này.

2) Theo em, trong trường hợp này HS có thể phát biểu ở đâu và phát biểu như thế nào?

– GV kết luận:

1) Việc thực hiện quyền tự do ngôn luận của HS:

+ Nhóm thứ nhất: Thực hiện tốt quyền tự do ngôn luận của công dân học sinh, vì đã tích cực tham gia đóng góp ý kiến về những nội dung liên quan đến học tập của HS.

+ Nhóm thứ hai: Chưa thực hiện quyền tự do ngôn luận của HS, vì đã hiểu không đúng về quyền tự do ngôn luận của công dân. Đây là quyền của mọi công dân, tùy theo lứa tuổi, vị trí công tác mà có sự tham gia khác nhau.

2) Trong trường hợp này, HS có thể phát biểu trong các cuộc họp ở lớp và trong các cuộc họp chung toàn trường do nhà trường tổ chức.

Câu hỏi ở tình huống 2: *Em hãy cho biết ý kiến của mình về việc thực hiện quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ đóng thuế của chị Điệp.*

– GV kết luận:

Chị Điệp đã thực hiện tốt quyền tự do kinh doanh của công dân, theo Điều 33 và Điều 47 Hiến pháp:

+ Làm thủ tục đăng kí kinh doanh quẹt điện (mặt hàng pháp luật không cấm) và mở cửa hàng khi được cấp Giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh.

+ Nộp thuế đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Câu hỏi ở tình huống 3: *Theo em, ý kiến nào trên đây là đúng quyền và nghĩa vụ bảo vệ môi trường?*

GV kết luận: Ý kiến thứ nhất đúng về quyền và nghĩa vụ bảo vệ môi trường, vì đã thực hiện đúng quy định về bảo vệ môi trường của cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ.

Câu hỏi ở tình huống 4:

1) *Em đồng tình hay phản đối việc làm của T? Vì sao?*

2) *Trong trường hợp này, D có thể làm gì để bảo vệ quyền của mình?*

GV hướng dẫn HS kết luận:

1) Phản đối việc làm của T, vì đã nói xấu, xúc phạm danh dự, uy tín của D.

2) D có thể nói với T về sự việc này, yêu cầu T xin lỗi, dừng việc tuyên truyền, nói xấu và minh oan cho D trước các bạn. Nếu T không nhận lỗi, D có thể nhờ cô giáo, nhà trường và các cơ quan can thiệp. Ở mức trầm trọng, D có thể nhờ cơ quan pháp luật can thiệp, vì đã bị T xâm phạm danh dự, uy tín.

LUYỆN TẬP

Hoạt động 5: Luyện tập, củng cố

a) Mục tiêu

– HS luyện tập, củng cố kiến thức, kĩ năng đã được hình thành trong phần Khám phá.

– HS được phát triển năng lực tự học, năng lực hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề.

b) Tổ chức thực hiện

– GV yêu cầu HS làm các bài tập trong SGK trên lớp và ở nhà theo cá nhân và theo nhóm.

– HS thực hiện nhiệm vụ.

– GV mời một số HS đại diện các nhóm trả lời các câu hỏi, bài tập.

– GV kết luận, gợi ý các bài tập sau:

Bài tập 1:

Nghệ sĩ V cần làm theo các cách sau:

+ Yêu cầu người sử dụng Facebook đã xúc phạm mình phải chấm dứt hành vi này.

+ Khởi kiện, đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền can thiệp, xử lý hành vi vi phạm pháp luật của người sử dụng Facebook.

Bài tập 2:

+ Ba bạn HS có biểu hiện không có ý thức tự giác thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân.

+ Mọi công dân đều có nghĩa vụ bảo vệ môi trường, tùy thuộc vào độ tuổi. HS trung học phổ thông có nghĩa vụ bảo vệ môi trường với tư cách là một công dân.

Bài tập 4: Đối với HS, quyền và nghĩa vụ quan trọng nhất là quyền và nghĩa vụ học tập, vì mỗi công dân đều có những quyền và nghĩa vụ khác nhau, nhưng ở tuổi HS thì quyền và nghĩa vụ học tập là vô cùng quan trọng.

VẬN DỤNG

Hoạt động 6. Vận dụng

Bài tập vận dụng 1:

GV giao nhiệm vụ cho các nhóm HS thực hiện ở nhà, trưng bày sản phẩm trước lớp trong buổi học sau.

NỘI DUNG

Trang

Phần thứ nhất. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG	3
I. Giới thiệu về Chương trình môn Giáo dục công dân lớp 6	3
1.1. Mục tiêu, yêu cầu cần đạt của môn Giáo dục công dân lớp 6	3
1.2. Kế hoạch giáo dục môn Giáo dục công dân lớp 6	6
II. Sách giáo khoa môn Giáo dục công dân lớp 6	7
2.1. Quan điểm biên soạn sách giáo khoa môn Giáo dục công dân lớp 6	7
2.2. Một số điểm mới của sách giáo khoa môn Giáo dục công dân lớp 6	8
III. Dạy học môn Giáo dục công dân lớp 6	9
3.1. Phương pháp dạy học môn Giáo dục công dân lớp 6	9
3.2. Các kiểu bài học môn Giáo dục công dân lớp 6	13
3.3. Cách dạy học	14
IV. Vấn đề đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục công dân lớp 6	17
4.1. Mục tiêu đánh giá	17
4.2. Yêu cầu đánh giá	18
4.3. Định hướng đánh giá	18
V. Giới thiệu về hệ thống sách giáo khoa, sách giáo viên, các tài liệu tham khảo bổ trợ và học liệu, thiết bị dạy học môn Giáo dục công dân lớp 6	19
5.1. Học liệu điện tử	19
5.2. Thiết bị và đồ dùng dạy học	20
Phần thứ hai. HƯỚNG DẪN SOẠN BÀI DẠY HỌC THEO SÁCH GIÁO KHOA GIÁO DỤC CÔNG DÂN 6	21
I. Cấu trúc kế hoạch bài dạy	21
II. Bài soạn minh họa	23

